

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 256/2024/DS-ST

Ngày: 07/8/2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trương.
- Ông Nguyễn Nhơn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Bảo V- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 80/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2024/QĐST-DS ngày 15/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K (Ngân hàng K).

Địa chỉ trụ sở: Số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Ngọc M- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân N- Trưởng bộ phận xử lý nợ- Phòng xử lý nợ- Ngân hàng TMCP K (Theo Quyết định ủy quyền số 1571/QĐ-NHKL ngày 12/6/2024). Xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Công T, sinh năm: 1964; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số A H, khu phố A, phường E, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ông Đinh Công T có đến Ngân hàng K vay tổng số tiền 1.880.000.000 đồng theo 04 khoản vay như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng từng lần số 224/20/HĐTD 2202- 6238 ngày 29/06/2020 số tiền vay 700.000.000 đồng.

Dư nợ : 335.995.781 đồng

Mục đích: Bổ sung vốn sửa chữa nhà để ở.

Thời hạn vay: 120 tháng.

Ngày giải ngân: 30/6/2022, ngày đến hạn 30/7/2032

Lãi suất: 12%/ năm. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lãi lãnh cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm giải ngân + 4,1%/ năm và không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (cùng loại hình và phương thức cho vay).

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay.

Lãi suất lãi chậm trả: 10%/ năm.

Hình thức thanh toán: Trả gốc, lãi ngày 30 hàng tháng.

2/ Hợp đồng tín dụng từng lần số 124/21/HĐTD 2202- 6238 ngày 14/4/2021 số tiền vay 500.000.000 đồng

Dư nợ : 492.818.886 đồng

Mục đích: Hoàn vốn nhận chuyển nhượng bất động sản.

Thời hạn vay: 240 tháng.

Ngày giải ngân: 14/4/2021, ngày đến hạn 14/4/2041

Lãi suất: 12,6 %/ năm. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lãi lãnh cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm giải ngân + 4,3%/ năm và không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (cùng loại hình và phương thức cho vay).

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay.

Lãi suất lãi chậm trả: 10%/ năm.

Hình thức thanh toán: Trả gốc, lãi ngày 14 hàng tháng

3/ Hợp đồng tín dụng từng lần số 111/22/HĐTD 2202- 6238 ngày 22/3/2022 số tiền vay 480.000.000 đồng

Dư nợ : 459.616.835 đồng

Mục đích: Hoàn vốn nhận chuyển nhượng bất động sản.

Thời hạn vay: 120 tháng.

Ngày giải ngân: 23/3/2022, ngày đến hạn 23/3/2032

Lãi suất: 12,6%/ năm. Kể từ tháng thứ 4 tính từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lãi lãnh cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm giải ngân + 4,3%/ năm và không được thấp hơn lãi suất cho vay tối

thiếu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân (cùng loại hình và phương thức cho vay).

Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay.

Lãi suất lãi chậm trả: 10%/ năm.

Hình thức thanh toán: Trả gốc, lãi ngày 23 hàng tháng

4/ Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0030/20/BĐ 2202- 06238 ngày 13/7/2017, số tiền vay 200.000.000 đồng.

Dư nợ : 250.595.226 đồng

Mục đích: Tiêu dùng.

Thời hạn vay: 36 tháng.

Ngày giải ngân: 13/7/2017, ngày đến hạn 13/7/2023

Lãi suất: 18%/ năm. Theo quy định hiện hành của **K1**.

Hình thức thanh toán: Theo quy định hiện hành của **K1**.

Các loại phí liên quan: Theo quy định hiện hành của **K1**.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 224/20/HĐTC-BDS/2202 – 6238 ngày 29/6/2020; Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 224/20/HĐTC-BDS/2202 – 6238-01 ngày 14/4/2021; Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 224/20/HĐTC-BDS/2202 – 6238- 02 ngày 22/3/2022 để đảm bảo khoản vay đã được ký kết.

Tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay gồm: Thửa đất 243, tờ bản đồ số 04, diện tích 538,5 m², đất ở tại đô thị, tọa lạc tại **khu phố A, phường E, thành phố G, tỉnh Tiền Giang** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CP401925; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04785 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T** cấp ngày 09/10/2018 cấp cho ông **Đinh Công T** đứng tên.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thị xã G** (Nay là Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai thành phố G**) ngày 29/6/2020.

Trong quá trình vay vốn ông **T** đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ theo hợp đồng. Nay yêu cầu ông **T** trả cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 09/01/2024 là nợ tổng cộng là 1.739.026.728 đồng và lãi phát sinh từ ngày 10/01/2024 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông **T** không trả hoặc trả không dứt nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu **C** quant hi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để ưu tiên thanh toán nợ cho **Ngân hàng K**.

* Bị đơn ông **Đinh Công T** mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T nhưng do ông T vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt ông T và không hòa giải vụ án được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công phát biểu:

Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 321, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP K và ông Đinh Công T là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, ông Đinh Công T đã ký với Ngân hàng K các Hợp đồng tín dụng và Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1, tạm tính đến ngày 09/01/2024 còn nợ như sau:

2.1/ Hợp đồng tín dụng từng lần số 224/20/HĐTD 2202- 6238 ngày 29/06/2020 số tiền vay 700.000.000 đồng.

Dư nợ gốc: 491.200.000 đồng

Lãi trong hạn: 39.463.400 đồng.

Tiền lãi phạt chậm trả: 3.355.455 đồng.

Lãi quá hạn: 1.976.926 đồng.

Tổng cộng: 535.995.781 đồng.

2.2/ Hợp đồng tín dụng từng lần số 124/21/HĐTD 2202- 6238 ngày 14/4/2021 số tiền vay 500.000.000 đồng

Dư nợ gốc: 448.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 40.261.923 đồng.

Tiền lãi phạt chậm trả: 3.734.198 đồng.

Lãi quá hạn: 822.764 đồng.

Tổng cộng: 492.818.886 đồng.

2.3/ Hợp đồng tín dụng từng lần số 111/22/HĐTD 2202- 6238 ngày 22/3/2022 số tiền vay 480.000.000 đồng.

Dư nợ gốc: 420.000.000 đồng

Lãi trong hạn: 35.036.953 đồng.

Tiền lãi phạt chậm trả: 3.107.745 đồng.

Lãi quá hạn: 1.472.137 đồng.

Tổng cộng: 459.616.835 đồng.

2.4/ Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 0030/20/BĐ 2202- 6238 ngày 13/7/2017, hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng.

Dư nợ gốc: 170.084.734 đồng

Lãi trong hạn: 11.373.584 đồng.

Tiền lãi phạt chậm trả: 68.306.908 đồng.

Phí vượt hạn mức: 830.000 đồng.

Tổng cộng: 250.595.226 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ tạm tính đến ngày 09/01/2024 là 1.739.026.728 đồng.

Xét thấy các hợp đồng tín dụng, giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ như nêu trên và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 224/HĐTC/BĐS/2202-6238; Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 224/20/HĐTC/BĐS/2202- 6238- 01 ngày 14/04/2021; Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 224/2020/HĐTC/BĐS/2202- 6238- 02 ngày 22/03/2022 giữa **Ngân hàng K** và ông **Đình Công T** được ký kết hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Trong quá trình vay vốn ông **T** đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **T** trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 09/01/2024 là 1.739.026.728 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 10/01/2024. Thời hạn thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông **T** không trả hoặc trả không dứt nợ thì **Ngân hàng K** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để ưu tiên thanh toán nợ cho **Ngân hàng K**. Yêu cầu của Ngân hàng có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Đình Công T** thuộc diện được miễn án phí theo quy định pháp luật nhưng ông **T** không có đơn xin miễn án phí nên ông **T** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; 466; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 357, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K**.

Ông **Đinh Công T** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần K** số tiền 1.739.026.728 đồng (*Một tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 10/01/2024 đến khi thanh toán dứt nợ. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông **T** không trả hoặc trả không dứt nợ thì **Ngân hàng K** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất 243, tờ bản đồ số 04, diện tích 538,5 m², đất ở tại đô thị, tọa lạc tại **khố phố A, phường E, thành phố G, tỉnh Tiền Giang** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04785 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T** cấp ngày 09/10/2018 cấp cho ông **Đinh Công T** đứng tên để ưu tiên thanh toán nợ cho **Ngân hàng K**.

2/ Về án phí: Ông **Đinh Công T** nộp 64.170.801 đồng (*Sáu mươi bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn tám trăm lẻ một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho **Ngân hàng TMCP K** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.086.291 đồng (*nhìn đồng*) theo biên lai số 0000681 ngày 28/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công (Nay là **thành phố G**).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnhTG
- VKSND TXGC
- CCTHADS TXGC
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

LÊ THỊ HẰNG

Án được tuyên cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)